

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP
ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực
các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 284/UBNDT-CSĐT ngày 20/3/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

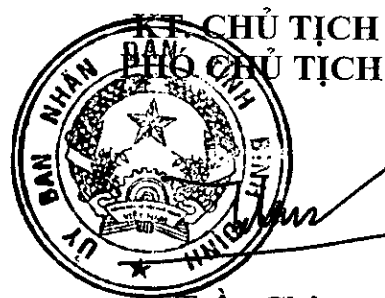
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, thường xuyên báo cáo kết quả cho UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- CT, Phó CT UBND tỉnh T. Châu;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- T.T Công báo tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K1



Trần Châu

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ
về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn
2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **4604/QĐ-UBND** ngày **12/12/2017**
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2016 VỀ
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nói riêng là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước. Với sự quan tâm của Đảng và Chính phủ trong thời gian qua đã ban hành nhiều chính sách tác động trực tiếp và gián tiếp đến phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi; cùng với chính sách Trung ương, tỉnh cũng ban hành nhiều chính sách góp phần thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Tuy nhiên, so với mặt bằng chung toàn tỉnh thì nguồn nhân lực vùng DTTS&MN còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển vùng DTTS&MN trong giai đoạn tới. Qua theo dõi, đến cuối năm 2016 chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trong tỉnh cụ thể như sau:

1. Về nâng cao thể lực

- Số cháu 01 tuổi dân tộc thiểu số có 941 cháu. Số cháu bị tử vong 15 cháu; tỷ suất 16,0‰;
- Tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số (ước tính) 70 tuổi;
- Trẻ em dưới 5 tuổi dân tộc thiểu số có 3.651 cháu. Trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi 1.296 cháu; tỷ lệ 35,5%.

2. Về phát triển trí lực

- Số trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ 2.189 cháu. Số cháu đến nhà trẻ 81 cháu; đạt tỷ lệ 3,7%;
- Số học sinh trong độ tuổi đến mẫu giáo 2.655 cháu. Số cháu học mẫu giáo 2.509 cháu; đạt tỷ lệ 94,5%;
- Số người dân tộc thiểu số đúng tuổi đi học bậc tiểu học 4.497 người. Số đến trường 4.474 người; đạt tỷ lệ 99,49%;
- Số người dân tộc thiểu số đúng tuổi đi học bậc trung học cơ sở 3.217 người. Số đến trường 3.197 người; đạt tỷ lệ 99,39%;
- Số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi phải đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương 1.045 người. Số đến trường 709 người; đạt tỷ lệ 67,84%;
- Số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng) trong năm 2016 là 326 người; đạt 82 người/10.000 dân;

- Số người được đào tạo sau đại học 7 người, đạt tỷ lệ 0,1%.

3. Thực hiện chỉ tiêu nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường

- Số người được đào tạo nghề năm 2016 là 336 người. Trong đó, số người được các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và dịch vụ tiếp nhận 80 người, số người tự tạo việc làm 166 người, số người chưa có việc làm 90 người;

Số đào tạo trên, trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề chiếm khoảng 5%, còn lại khoảng 95% trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng.

- Hằng năm, đã tổ chức 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực về công tác xuất khẩu lao động cho hơn 350 cán bộ người dân tộc thiểu số; tổ chức tuyên truyền cho 1.370 người dân tộc thiểu số;

- Đến năm 2016, có 7.749 lao động trong tổng số 10.795 số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, đạt tỷ lệ 71,78%.

Những hạn chế, yếu kém: nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trong tỉnh là do đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh chủ yếu sinh sống ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên xảy ra thiên tai, tỷ lệ hộ nghèo cao, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu. Thể lực người lao động dân tộc thiểu số còn yếu chưa đáp ứng với cường độ lao động cao; còn hạn chế về trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ; chủ yếu là lao động giản đơn và chưa qua đào tạo. Các chính sách trực tiếp, gián tiếp liên quan đến phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu để phát triển.

Để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trong tỉnh, nâng cao dân trí góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 52/NQ-CP) với những nội dung như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao mục tiêu và các chỉ tiêu Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, toàn diện, bền vững trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng và vệ sinh, môi trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói chung, phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nói riêng đi đôi với việc xây dựng các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch mới để tăng cường, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 đảm bảo đạt mục tiêu đề ra;

- Trong tổ chức thực hiện cần lồng ghép các đề án, dự án, chính sách và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm quản lý của các ngành, các địa phương để thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

Qua tổ chức thực hiện Kế hoạch nhằm nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trong tỉnh về thể lực, trí lực và tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, có cơ cấu hợp lý để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của quốc gia và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai; xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Nâng cao thể lực

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến năm 2020 xuống còn dưới 14‰ và đến năm 2030 xuống dưới 11‰. Phấn đấu nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số đến năm 2020 lên 73 tuổi và đến năm 2030 khoảng 75 tuổi;

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 xuống còn 29% và đến năm 2030 xuống 19%.

2.2. Phát triển trí lực

- Đến năm 2020, có ít nhất 25% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 98% tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 99,90%, trung học cơ sở 99,80% và 70% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương. Đến năm 2030, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi gần với mức bình quân của cả tỉnh ở tất cả các cấp học;

- Phấn đấu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng) đạt 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số); năm 2030 đạt từ 200 - 250 sinh viên/vạn dân;

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 đạt 30%; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ tương ứng là 50%.

2.3. Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường

- Tiếp tục nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường lao động, tư vấn việc làm cho người dân tộc thiểu số;

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số;

- Giai đoạn 2016 – 2020 đào tạo 12.435 người dân tộc thiểu số, (trong đó: trình độ cao đẳng 125 người, trình độ trung cấp 310 người, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên 12.000 người) và đến năm 2030 đào tạo 21.050 người, (trong đó: trình độ trình độ cao đẳng 300 người, trình độ trung cấp 750 người, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên 20.000 người). Ưu tiên đào tạo và tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020 đạt trên 30%, đến năm 2030 đạt 50%; nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp chiếm 25%.

- Phấn đấu đến năm 2020 đạt 70%, năm 2030 đạt 100% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động.

3. Đối tượng và thời gian thực hiện

3.1. Đối tượng: Người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ.

3.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1.1. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường học, thực hiện kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học ở các cấp học; phấn đấu đến năm 2030 các trường, lớp học ở các làng, thôn, xã có dân tộc thiểu số đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào DTTS theo hướng mỗi xã đều có trường mầm non, mẫu giáo, mỗi huyện có 02 trường trung học phổ thông và mỗi xã tối thiểu có một nhà trẻ;

- Để thực hiện chỉ tiêu từ nay đến năm 2020 huy động 25% trẻ trong độ tuổi đến nhà trẻ phải tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường lớp, ưu tiên xây dựng phòng học kiên cố, bếp ăn bán trú, mua sắm trang thiết bị; tuyển dụng giáo viên, nhân viên cấp dưỡng để đảm bảo các điều kiện huy động trẻ theo lộ trình từng năm như sau:

+ Năm 2018: xây dựng 12 phòng học, 08 bếp ăn, mua sắm 12 bộ đồ dùng dạy học – đồ chơi; tuyển 25 giáo viên, 09 cấp dưỡng;

+ Năm 2019: xây dựng 18 phòng học, 10 bếp ăn, mua sắm 18 bộ đồ dùng dạy học – đồ chơi; tuyển 46 giáo viên, 16 cấp dưỡng;

+ Năm 2020: xây dựng 28 phòng học, 9 bếp ăn, mua sắm 28 bộ đồ dùng dạy học – đồ chơi; tuyển 76 giáo viên, 21 cấp dưỡng;

Tổng cộng trong 3 năm xây dựng 58 phòng học, 27 bếp ăn, mua sắm 58 bộ đồ dùng dạy học – đồ chơi; tuyển 147 giáo viên, 46 cấp dưỡng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 về việc Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020; Quyết số 4008/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 về việc Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020;

- Tiếp tục thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; huy động, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để từng bước chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học, tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các huyện miền núi theo Kế hoạch.

1.2. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện, đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị cho 3 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên ở 3 huyện miền núi: Vĩnh Thạnh, Vân Canh và An Lão; rà soát lại đội ngũ giáo viên dạy nghề phù hợp với từng nghề, đảm bảo đủ giáo viên cơ hữu theo quy định; bồi dưỡng nâng cao, đào tạo lại cho giáo viên cơ hữu chưa đạt chuẩn, có chính sách khuyến khích thu hút những giáo viên, nghệ nhân, kỹ sư có trình độ cao về giảng dạy tại các cơ sở dạy nghề huyện miền núi.

1.3. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trường: Phổ thông Dân tộc nội trú Vân Canh, Phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông An Lão, Phổ thông Dân tộc nội trú Hoài Ân và Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh. Trong đó, xây dựng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020.

1.4. Thực hiện đầy đủ chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đảm bảo quỹ đất và tăng vốn đầu tư để phát triển nhà trẻ, trường mầm non đến tất cả các xã; trước hết, ưu tiên xây dựng các điểm trường ở các thôn, làng vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và xây dựng mới để phủ kín nhà trẻ, trường mầm non ở các xã chưa có trường; xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ thiết yếu theo hướng chuẩn hóa cơ sở vật chất trường học; bảo đảm đủ thiết bị, đồ chơi theo tiêu chuẩn quy định; ưu tiên các điều kiện về cơ sở vật chất để duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

1.5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Căn cứ nhu cầu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghề nghiệp và tình hình về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các huyện miền núi, nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế, chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc các nội dung về công tác đào tạo, bồi dưỡng; khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí, công việc đảm nhiệm; chỉ đạo các đơn vị tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành tổ chức, đặc biệt là dạy tiếng dân tộc Chăm, Bana, H'rê cho giáo viên.

Tiếp tục tập huấn cho giáo viên mầm non về công tác chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số, điều động một số giáo viên người dân tộc thiểu số đến dạy các điểm làng để tạo điều kiện cho trẻ tiếp thu tiếng Việt một cách thuận lợi hơn.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại các huyện miền núi phải đủ về số lượng, đạt và vượt chuẩn về trình độ đào tạo. Tiếp tục phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số.

1.6. Thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Đẩy mạnh tổ chức dạy 2 buổi/ngày ở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cho những nơi có điều kiện; thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, duy trì nề nếp, kỷ cương, kỷ luật quản lý chuyên môn.

1.7. Xã hội hóa giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Các cấp ủy Đảng và chính quyền bằng nhiều biện pháp để nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Phát huy vai trò của người dân vào quá trình giám sát, quản lý, thực thi các hoạt động; kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân tạo điều kiện hỗ trợ cơ sở, vật chất tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện bình đẳng trong giáo dục, đưa đến cơ hội học tập cho tất cả mọi người dân là đồng bào dân tộc thiểu số.

1.8. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, dự bị đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp...đối với học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo nhu cầu sử dụng, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học cho đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cho các huyện, xã miền núi trong tỉnh.

1.9. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chế độ chính sách ưu tiên, miễn, giảm học phí, học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách đối với giáo dục mầm non; tín dụng cho học sinh dân tộc thiểu số. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu tiên đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện đúng quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tiếp tục rà soát, bổ sung, chỉnh sửa những bất cập đối với chính sách hiện có; nghiên cứu, đề xuất các chính sách đặc thù phù hợp với học sinh, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

2.1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế ở những vùng đồng bào DTTS; đẩy mạnh việc tiếp cận các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cơ bản; mở rộng dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân đến các đối tượng là đồng bào DTTS; quản lý thai, khám thai định kỳ; hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ...Thành lập câu lạc bộ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho nam nữ thanh niên, vị thành niên dân tộc thiểu số; tổ chức tập huấn về tư vấn, quản lý và khám sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân cho các cán bộ y tế thôn, làng, cán bộ dân số và cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp xã; cung cấp dịch vụ khám, tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số; tổ chức các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm, kiểm tra, giám sát, quản lý trong công tác phát triển nguồn

nhân lực các dân tộc thiểu số. Thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng quy định chính sách dân số;

2.2. Nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở; thực hiện chính sách thu hút cán bộ y, bác sỹ về công tác ở vùng DTTS, đến năm 2030 mỗi trạm y tế xã miền núi có 02 bác sỹ; nhằm bảo đảm nhân lực cho các trạm y tế xã để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi sức khỏe đến từng người dân; phát triển mạnh y tế dự phòng nhằm làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ đồng bào DTTS trong việc xây dựng công trình vệ sinh, nước sinh hoạt, chuồng trại theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới;

2.3. Đẩy mạnh công tác truyền thông phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào các DTTS về vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, hôn nhân và gia đình...

2.4. Nghiên cứu xây dựng và triển khai “Chương trình sữa học đường” đối với học sinh mẫu giáo và tiểu học để cải thiện tầm vóc, sức khỏe thanh, thiếu niên người DTTS;

2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở y tế vùng dân tộc thiểu số trong tỉnh.

3. Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm

3.1. Bổ sung, sửa đổi chính sách đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số theo hướng chuyên trọng tâm từ đào tạo nghề ngắn hạn sang hỗ trợ đào tạo nghề kết hợp với đào tạo văn hóa trước khi đào tạo nghề. Tăng cường hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông để nâng cao tỷ lệ học sinh hoàn thành các cấp học này tham gia học nghề trung và dài hạn. Cần ưu tiên hỗ trợ cử tuyển cho học sinh học nghề.

3.2. Rà soát danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán của đồng bào DTTS, đặc điểm địa phương, mục tiêu xây dựng nông thôn mới để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm, 5 năm trên địa bàn tỉnh; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, nghề trọng điểm theo các cấp độ và các trường, khoa giáo dục nghề nghiệp nội trú cho người DTTS theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

3.3. Triển khai đồng bộ các chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số;

3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số, nêu cao vai trò trách nhiệm của chính quyền các cấp, các ngành, ở địa phương. Rà soát, đánh giá lại các cơ chế, chính sách đã ban hành để có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp;

3.5. Tiếp tục nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động cho người dân tộc thiểu số;

3.6. Xây dựng tiến trình quy hoạch và có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên ở các huyện miền núi để đảm bảo đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số trên địa bàn;

3.7. Ủy ban nhân dân xã bố trí 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng dân tộc thiểu số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ động xây dựng, chương trình, kế hoạch hành động cụ thể ở sở, ngành mình nhằm triển khai các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh (có phụ lục số 01 kèm theo); tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các chương trình, dự án, đề án, chính sách, kế hoạch mới để cụ thể hóa mục tiêu và các nhiệm vụ của Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ và Kế hoạch này phù hợp với thực tiễn vùng dân tộc của tỉnh (có phụ lục số 02 kèm theo) và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1.1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Công Thương và các sở, ngành liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch vốn hàng năm, 5 năm thực hiện Kế hoạch;

- Phối hợp cùng với các sở, ngành liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch khảo sát, điều tra, thống kê về thực trạng tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh để làm cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc;

- Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc theo quy định.

1.2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh; chú trọng ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những giải pháp, chính sách cụ thể, thiết thực nhằm

đảm bảo đến năm 2020 đạt tỷ lệ số trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ và số sinh viên trên một vạn dân theo chỉ tiêu Kế hoạch đã đề ra;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc tỉnh do Sở quản lý, theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết;

- Thực hiện có hiệu quả nội dung, chương trình giáo dục ở các cấp học, bậc học; tập trung đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; huy động huy trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp; nâng cao chất lượng học sinh vào lớp đầu cấp; tổ chức có hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh khá giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém; tăng tỷ lệ học sinh đậu vào các trường đại học, cao đẳng; thực hiện tốt hoạt động hướng nghiệp cho học sinh bậc trung học, giúp học sinh lựa chọn ngành, nghề phù hợp đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi;

- Cùng cố phát triển hoàn thiện các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; rà soát quy hoạch mạng lưới trường, lớp phù hợp với dân số, điều kiện của từng địa phương; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thực hiện chế độ chính sách cho học sinh;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Mục I, Phần IV của Kế hoạch; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch do Sở quản lý;

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trí lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

1.3. Sở Y tế

- Nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn các xã, thôn (làng) đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, chính sách, thuộc lĩnh vực do Sở quản lý, theo dõi theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe được quy định tại Mục 2, Phần IV của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý;

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu nâng cao thể lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

1.4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp các sở, ngành và UBND các huyện liên quan giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy

nghề thời kỳ 2011 – 2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ) và Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp (theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm được quy định tại Mục 3 và 4, Phần IV của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực của Sở được giao quản lý.

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm các dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

1.5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân tộc thiểu số tham gia các khóa đào tạo sau đại học để đến cuối năm 2020 đạt tỷ lệ 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo;

- Đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, lồng ghép việc đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của tỉnh và nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Hàng năm phối hợp với Sở Y tế thực hiện chương trình quân dân y kết hợp tổ chức khám, chữa bệnh cho đồng bào dân tộc. Ưu tiên tuyển chọn và gọi thanh niên các dân tộc thiểu số nhập ngũ vào quân đội; nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền ở cơ sở.

1.7. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện miền núi, vùng cao tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tiêu thụ sản phẩm và tạo việc làm cho đồng bào DTTS; triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó có nội dung phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được các mục tiêu của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.

1.8. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch vốn gửi Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan để đưa vào kế hoạch vốn thực hiện Nghị quyết vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước cho tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, tổng hợp vốn thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm; trên cơ sở vốn ngân sách cấp hàng năm và vốn lồng ghép dự kiến vốn bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch và trình UBND tỉnh;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính; giám sát chi tiêu, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết.

1.9. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các cơ quan báo chí của tỉnh và chỉ đạo các Đài Truyền thanh địa phương tăng cường thông tin, tuyên truyền về những nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo, giáo dục, nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Lựa chọn và triển khai một số hình thức truyền thông phù hợp tại cộng đồng vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn và triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù sau khi được Ủy ban Dân tộc và Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; nghiên cứu lồng ghép thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP trong các chương trình, dự án khác có liên quan.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, tích cực tuyên truyền, vận động, giám sát, hỗ trợ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được mục tiêu của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan

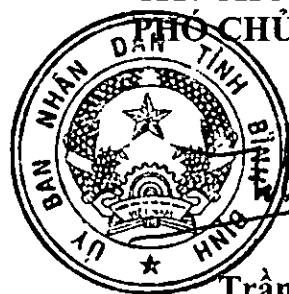
- Căn cứ Kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của địa phương xây dựng, ban hành kế hoạch dài hạn và hàng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 52/NQ-CP của tỉnh;

- Tiếp tục triển khai, quán triệt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; các chương trình, kế hoạch của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS;

- Chỉ đạo, tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực và các chính sách hiện hành; trong đó, tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch hành động gửi báo cáo về Cơ quan Thường trực (Ban Dân tộc tỉnh) trước ngày 10/12 hàng năm để tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./. *Trần Châu*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

PHỤ LỤC

**Danh mục các chương trình, đề án, dự án, chính sách, kế hoạch thực hiện
Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016
của Chính phủ**

(Kèm theo Quyết định số ~~4604~~ **4604**/QĐ-UBND ngày ~~12/12~~ **12/12**/2017 của
UBND tỉnh Bình Định)



Phụ lục 01: Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách, kế hoạch đã được phê duyệt để thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ

TT	Tên chương trình, dự án, đề án, chính sách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Trình, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh	Ghi chú
1	Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 11/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2014 – 2015 và lộ trình đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
2	Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2021	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
3	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
4	Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND, ngày 11/12/2013 về việc Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học (mầm non, phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện miền núi	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	

5	Quyết định 4008/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh về việc Quy định mạng lưới trường, lớp học (mầm non và phổ thông) của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở KH&ĐT - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
6	Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
7	Chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
8	Chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
9	Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo khi sinh con theo đúng chính sách dân số	Sở Y tế	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
10	Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020” trên địa bàn tỉnh Bình Định	Ban Dân tộc	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
11	Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định	Ban Dân tộc	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	

	về việc ban hành một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị		huyện liên quan			
12	Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Mục tiêu phát triển Tiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015	Ban Dân tộc	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan		Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
13	Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	
14	Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	Năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	

Phụ lục số 02: Danh mục xây dựng các chương trình, đề án, dự án, chính sách, kế hoạch mới để thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ



TT	Tên chương trình, dự án, đề án, chính sách	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp phê duyệt	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
1	Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND các huyện liên quan	UBND tỉnh	Quý IV năm 2017	Giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến năm 2025
2	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động là DTTS đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các sở, ngành có liên quan	UBND tỉnh	Tháng 10/2017	Năm 2017
3	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Quý IV năm 2017	Giai đoạn 2017-2020
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Quý III năm 2017	Giai đoạn 2016- 2020
5	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành có liên quan và các huyện liên quan	UBND tỉnh	Quý III năm 2017	Giai đoạn 2016 - 2020
6	Kế hoạch thực hiện Quyết định 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới	Sở Y tế	Các Sở, ngành và UBND các huyện liên quan	UBND tỉnh	Quý III năm 2017	Giai đoạn 2016 – 2020
7	Đề án thực hiện Quyết	Ban	Các Sở, ngành	UBND tỉnh	Quý III năm	Giai đoạn

	định Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020	Dân tộc	và UBND các huyện liên quan		2017	2016 – 2020
8	Xây dựng Khung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở và cộng đồng thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020	Ban Dân tộc	Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện liên quan	UBND tỉnh	Quý III năm 2017	Giai đoạn 2016 – 2020
9	Xây dựng Kế hoạch khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin thực trạng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trong tỉnh để làm cơ sở thực hiện chính sách	Ban Dân tộc	Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện liên quan	UBND tỉnh	Năm 2018	Giai đoạn 2016 – 2020